Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /CT-TTg	*Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2019*

CHỈ THỊ
Về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng kinh tế phát triển năng động và có tỷ trọng đóng góp lớn nhất cả nước (năm 2018 đóng góp 45,4% GDP cả nước, tổng thu ngân sách chiếm 42,6% tổng số thu của cả nước); cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung vào các ngành công nghiệp dịch vụ có lợi thế tạo ra giá trị gia tăng cao. Vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) phía Nam là trung tâm thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước với hơn 15 nghìn dự án FDI còn hiệu lực, có 140 khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động,... Cùng với hệ thống cảng biển, sân bay quốc tế lớn đã giúp Vùng KTTĐ phía Nam trở thành trung tâm du lịch, phát triển các loại hình dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông, logistics,... lớn nhất cả nước. Đồng thời, Vùng KTTĐ phía Nam với trung tâm là thành phố Hồ Chí Minh, là trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng, chứng khoán lớn nhất cả nước; là Vùng có môi trường đầu tư, kinh doanh hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển khoa học công nghệ, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo và xóa đói giảm nghèo luôn được các tỉnh, thành phố trong Vùng quan tâm.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của Vùng KTTĐ phía Nam đang có xu hướng chậm lại, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2018 chỉ ngang mức bình quân cả nước. Mặc dù là Vùng KTTĐ lớn nhất cả nước nhưng những lợi thế của Vùng chưa được phát huy đầy đủ nhằm tạo ra những động lực mới cho tăng trưởng, kết cấu hạ tầng chưa tương xứng, kết nối chưa đồng bộ; chất lượng phát triển đô thị còn thấp; bị ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu, nước biển dâng; nhiều khu vực còn ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; chưa bảo đảm hết nhu cầu an sinh xã hội; phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu đề ra. Cơ chế, chính sách phát triển Vùng KTTĐ phía Nam còn chưa hoàn thiện, thiếu đột phá; nhận thức về lợi ích của các chủ thể liên quan chưa đầy đủ, còn khác nhau, thiếu liên kết vùng chặt chẽ. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng KTTĐ phía Nam còn mang tính tự phát, hình thức, chương trình phối hợp phát triển kinh tế còn mang tính cục bộ, chưa phát huy có hiệu quả lợi thế so sánh của Vùng.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi để Vùng KTTĐ phía Nam phát huy hết tiềm năng, lợi thế, phát triển bứt phá và bền vững, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ phía Nam (sau đây gọi tắt là các Bộ, ngành và địa phương) tập trung chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, giải pháp sau:

I. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế bền vững đi đôi với bảo đảm công bằng, ổn định chính trị xã hội, hài hòa giữa các mục tiêu về phát triển kinh tế, phát triển xã hội và cải thiện môi trường sinh thái với việc bảo vệ và phát triển rừng; phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường đô thị, nguồn nước và không khí. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng KTTĐ phía Nam đến năm 2020, định hướng đến 2030.

2. Đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ cao, tận dụng tốt cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 của các Hiệp định Thương mại tự do và Bảo hộ khuyến khích đầu tư như CPTPP, EVFTA, EVIPA,...; Đổi mới tư duy, phát huy tinh thần tự lực, tự cường và xác định các yếu tố bứt phá để phấn đấu vươn lên, phát triển nhanh, bền vững, đóng góp một cách thiết thực vào việc hiện thực hóa chiến lược phát triển của Vùng và cả nước.

3. Vùng KTTĐ phía Nam là Vùng kinh tế động lực đầu tàu, trung tâm kinh tế, thương mại, văn hóa, đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học chất lượng cao của cả nước và khu vực, là trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời là trung tâm chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ hàng đầu của cả nước; thực hiện vai trò cầu nối với các khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Tây Nguyên mà hạt nhân là thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đến năm 2025, phấn đấu 7/8 tỉnh, thành phố trong Vùng KTTĐ phía Nam có điều tiết về ngân sách trung ương.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về cơ chế, chính sách

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Xây dựng Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV; bổ sung, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách pháp luật về đầu tư công, làm cơ sở thúc đẩy tiến độ triển khai các dự án đầu tư công và khuyến khích kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa trong đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông.

- Đề xuất phương án hoàn thiện cơ chế điều phối hoạt động Vùng KTTĐ để phát huy tính chủ động, sáng tạo của các thành viên Hội đồng vùng, trong đó phân định rõ trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa Ban chỉ đạo, các Hội đồng vùng, các Bộ, ngành và địa phương trong vùng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2019.

- Khẩn trương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng để có cơ sở triển khai lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng cho giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định của Luật Quy hoạch trước Quý IV năm 2019.

b) Bộ Tài chính

- Nghiên cứu, hoàn chỉnh quy định về phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; phí sử dụng kết cấu hạ tầng, giá phí sau đầu tư, có sự điều tiết của Nhà nước tuân thủ nguyên tắc thị trường, bảo đảm công khai, minh bạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong năm 2020.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng KTTĐ phía Nam

- Khẩn trương đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất các giải pháp cho giai đoạn tiếp theo, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 7 năm 2019 đối với Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng KTTĐ Phía Nam đến năm 2020, Kết luận số 27-KL/TW ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW, Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 18 tháng 2 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 27-KL/TW của Bộ Chính trị; Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13 tháng 2 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng KTTĐ phía Nam đến năm 2020, định hướng đến 2030; các Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2015, số 2059/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2015 và số 2360/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban chỉ đạo, Tổ điều phối và Quy chế phối hợp vùng KTTĐ.

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020; Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố; thực hiện các nhiệm vụ được giao với tư cách là Chủ tịch Hội đồng Vùng KTTĐ phía Nam quy định tại các Quyết định số 941/QĐ-TTg, số 2059/QĐ-TTgvà số 2360/QĐ-TTg.

- Triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các Chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho hộ nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về đất đai, tín dụng, dạy nghề; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập để thoát nghèo bền vững. Thực hiện hiệu quả chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chính sách bảo hiểm nông nghiệp, chính sách khuyến nông.

2. Về liên kết các ngành, lĩnh vực

a) Bộ Giao thông vận tải

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm, các dự án kết nối trong khu vực, đặc biệt là cao tốc Bến Lức – Long Thành, phấn đấu khởi công Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành trong Quý IV năm 2020.

- Chỉ đạo thông tuyến kỹ thuật cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận; Mỹ Thuận – Cần Thơ trong năm 2021.

- Chú trọng đầu tư đường thủy nội địa kết nối vận tải thủy Đồng bằng Sông Cửu Long với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ, đẩy

mạnh phát triển vận tải thủy với Campuchia.

- Phối hợp với các địa phương kêu gọi các nhà đầu tư quan tâm đầu tư theo hình thức PPP, tranh thủ nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác để phát triển kết cấu hạ tầng. Kết hợp đầu tư hạ tầng giao thông với phát triển đô thị đảm bảo công khai, minh bạch để tăng tính hấp dẫn với các nhà đầu tư.

b) Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Ưu tiên phát triển mạng lưới trung tâm logistics của Vùng tập trung ở nơi có lợi thế về vị trí địa lý, gần nguồn cung cấp hàng hóa như các khu công nghiệp, hệ thống cảng, gần khách hàng tiêu thụ; trong đó lấy thành phố Hồ Chí Minh và gắn kết với trục cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Long Thành làm trung tâm và phát triển lan tỏa ra các khu vực lân cận.

- Khẩn trương tổ chức triển khai việc lập quy hoạch tổng thể phát triển điện lực theo quy định của Luật Quy hoạch, trong đó xem xét, tạo điều kiện cho các địa phương có tiềm năng như Bình Phước, Long An, Tây Ninh phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời).

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kết nối sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thế mạnh của các địa phương trong Vùng KTTĐ phía Nam, giúp doanh nghiệp định hướng xây dựng chiến lược phát triển, cải tiến chất lượng sản phẩm, tìm kiếm những thị trường tiềm năng; tăng cường vận động các doanh nghiệp sản xuất hàng Việt Nam có uy tín mở nhiều đại lý, nhà phân phối tại các vùng nông thôn; hợp tác, trao đổi kinh nghiệm xây dựng và hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản, các sản phẩm lợi thế của các địa phương trong Vùng.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ xây dựng các trung tâm ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong trường đại học, doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, thành phố trong Vùng để từ đó là hạt nhân của hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong Vùng, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với đặc thù của Vùng. Xây dựng Đề án phát triển Trung tâm khởi nghiệp quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2019.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; Đẩy mạnh liên kết Viện - Trường - Doanh nghiệp trong Vùng để đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ từ Viện, Trường đến Doanh nghiệp; Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo trong Vùng.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Hỗ trợ các tỉnh, thành phố trong Vùng KTTĐ Phía Nam đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Vùng.

- Nghiên cứu điều chỉnh các chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, trung cấp theo hướng tăng cường đào tạo kỹ năng chuyên môn; mở các chương trình đào tạo, các chuyên ngành mà thị trường lao động, khu vực phía Nam đang và sẽ có nhu cầu.

- Phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung – cầu nhân lực các tỉnh, thành phố trong Vùng KTTĐ phía Nam với cả nước, khu vực và quốc tế. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình giải quyết việc làm; cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, hoàn thiện các chính sách lao động, việc làm và an sinh xã hội, trong đó chú ý chăm lo cải thiện phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đối với lao động di cư.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại nhân lực khoa học và công nghệ theo hướng bảo đảm chất lượng, đồng bộ, đủ về số lượng và cơ cấu ngành nghề chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế. Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề, đảm bảo hoạt động hiệu quả, chất lượng, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Có các chính sách liên kết, hợp tác đào tạo giữa các cơ sở dạy nghề, nhất là cơ sở công lập với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để tận dụng ưu thế về thiết bị, máy móc của doanh nghiệp và giải quyết đầu ra người lao động. Chú trọng đào tạo nghề chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cho Vùng KTTĐ phía Nam và cả nước.

e) Bộ Tài nguyên và Môi trường

Khẩn trương xây dựng và ban hành quy định để yêu cầu các địa phương có trách nhiệm trong xử lý nước thải theo lưu vực sông, đồng thời quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản…) gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững.

g) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng KTTĐ phía Nam

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu chung về các tỉnh, thành phố thuộc Vùng KTTĐ phía Nam, các ngành kinh tế, các lĩnh vực xã hội, tiến độ các công trình trọng điểm, dự án lớn triển khai trên địa bàn, phục vụ xây dựng và điều phối các hoạt động liên kết vùng, công tác dự báo, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong Quý III năm 2020.

- Đẩy mạnh sự phối hợp, gắn kết trong và ngoài vùng trong quá trình xúc tiến đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đào tạo, thu hút và tạo việc làm; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng.

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, thực hiện tốt các hoạt động điều phối đòi hỏi sự liên kết giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng; kịp thời đề xuất với Chính phủ những cơ chế, chính sách phù hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Giải pháp về nguồn lực

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Khẩn trương hoàn thiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch

đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, trong đó đề xuất tiêu chí ưu tiên bố trí vốn cho các dự án liên kết Vùng kinh tế trọng điểm, bao gồm cả Vùng KTTĐ phía Nam để hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng xã hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8 năm 2019.

- Ưu tiên nguồn lực của Nhà nước để đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, giải quyết căn bản tình trạng tắc nghẽn, úng ngập tại thành phố Hồ Chí Minh và một số đô thị lớn trong Vùng, ưu tiên giải quyết trước hết các điểm nút chính, nơi tập trung mật độ dân cư cao tại các đô thị trung tâm.

b) Bộ Tài chính

- Đề xuất cơ chế, chính sách tạo nguồn thu để lại và tỷ lệ điều tiết trong giai đoạn 2021-2025 cho các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương thuộc Vùng KTTĐ phía Nam để tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và hạ tầng kỹ thuật, ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông và hạ tầng xã hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2019.

- Tiếp tục hoàn thiện lập dự toán thu cho các địa phương trọng điểm trên cơ sở dữ liệu thực tế về kinh tế - xã hội; đẩy mạnh áp dụng hóa đơn điện tử, nhất là tại thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố thuộc các tỉnh trong Vùng KTTĐ phía Nam, tăng cường chống xói mòn cơ sở thuế để có nguồn thu đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

c) Bộ Giao thông vận tải

Tập trung nguồn lực Nhà nước để đầu tư, đồng bộ hóa hạ tầng kinh tế- xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm, có tác dụng lan tỏa, tạo ra liên kết vùng như: các công trình trên trục hướng tâm, các vành đai, các đường kết nối các cảng biển và hành lang vận tải quốc tế...

d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng KTTĐ phía Nam

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư và các hạng mục của các dự án trọng điểm, liên kết vùng, đặc biệt là Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, bảo đảm khởi công vào cuối năm 2020.

- Chủ động huy động đa dạng các nguồn lực, kết hợp nguồn vốn giữa Trung ương và địa phương, tranh thủ nguồn vốn ODA, vốn tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các dự án trọng điểm, có tính chất đột phá, tạo ra liên kết Vùng.

- Ưu tiên đầu tư cho các công trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng quan trọng nhưng khó thu hút nhà đầu tư bên ngoài; tăng cường thu hút kêu gọi đầu tư theo các hình thức PPP, xã hội hóa... đặc biệt trong lĩnh vực giao thông, phát huy lợi thế về giao thông đường thủy của Vùng.

- Thực hiện hiệu quả Đề án cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong tất cả các ngành, lĩnh vực, theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

- Thực hiện nghiêm việc đấu giá quyền sử dụng đất, nhất là tại các khu đô thị để tạo nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo nền tảng thúc đẩy liên kết vùng, phát triển kinh tế - xã hội và tạo thuận lợi nhất cho người dân.

- Nghiên cứu phát triển các khu công nghiệp, đặc biệt là khu công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, khu công nghiệp sinh thái.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-CP. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI, chỉ số PAPI. Tạo điều kiện về không gian, nguồn lực, cơ hội cho khu vực tư nhân phát triển thuận lợi; bảo đảm kinh tế tư nhân bình đẳng trước pháp luật, trong cạnh tranh, phân bổ nguồn lực với các thành phần kinh tế khác.

- Đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng và cơ cấu ngành hợp lý. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận công nghệ hiện đại. Phát triển đào tạo nguồn nhân lực gắn với phát triển của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng cơ cấu lại lĩnh vực, sản phẩm theo lợi thế địa phương và nhu cầu thị trường; tập trung phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản.

- Tập trung nguồn lực và khẩn trương lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, trình phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng KTTĐ phía Nam chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Chỉ thị này, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm) để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 và tháng 12 hàng năm.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ phía Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 28

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc